

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2023

DỰ KIẾN THỜI KHÓA BIỂU

Kỳ 1 năm học 2023-2024 Hệ Chính quy

TT	Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú
1		1060081	Bổ cục chất liệu Lụa 2	FAE2025	3	10											
1.1	01	1060081	FAE2025-2023.01			10	Nguyễn Thị Trang Ngà				1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC		14/08/2023	05/11/2023	12T K7HH
2		1060083	Bổ cục chất liệu Sơn mài 2	FAE2026	3	10											
2.1	01	1060083	FAE2026-2023.01			10	Vũ Thị Kim Vân				7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC		14/08/2023	05/11/2023	12T K7HH
3		1060011	Bổ cục chất liệu tự chọn	FAE2010	2	42											
3.1	01	1060011	FAE2010-2023.01			14	Vũ Thị Kim Vân	7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC					14/08/2023	15/10/2023	10T, K15MT TL
4.2	02	1060011	FAE2010-2023.02			14	Chu Hoàng Trung	7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC					14/08/2023	15/10/2023	10T, K15MT TL
5.3	03	1060011	FAE2010-2023.03			14	Tạ Đình Thi	7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC					14/08/2023	15/10/2023	10T, K15MT TL
4		1080001	Cơ sở văn hóa Việt Nam	CLM2001	3	60											
6.1	01	1080001	CLM2001-2023.01			60	Tráng Thị Thuý					7-9, E502			14/08/2023	26/11/2023	
5		1020051	Công nghệ xử lý chất liệu may	DGI2058	2	10											
7.1	01	1020051	DGI2058-2023.01			10	Ngô Thị Thủy Thu	7-11, C							21/08/2023	15/10/2023	K4CNM
6		1080253	Công tác xã hội trong lĩnh vực pháp luật và tội phạm	CLM2232	2	15											
8.1	01	1080253	CLM2232-2023.01			15	Phạm Thục Oanh				1-3, E501				14/08/2023	26/11/2023	KTCTXH
7		1080257	Công tác xã hội y tế - bệnh viện	CLM2236	2	15											
9.1	01	1080257	CLM2236-2023.01			15	Nguyễn Thị Phương Thanh			7-9, E503					14/08/2023	26/11/2023	KTCTXH
8		1190058	Đệm thanh nhạc 4.1 (M)	PIA2010	1												
10.1	01	1190058	PIA2010-2023.01			0	Lương Đức Giang						1-5, D		14/08/2023	19/11/2023	
11.2	02	1190058	PIA2010-2023.02			0	Đặng Thái Sơn		1-5, D						14/08/2023	19/11/2023	Lop học lai
12.3	03	1190058	PIA2010-2023.03			0	Lê Hải Thuận				7-11, D				14/08/2023	19/11/2023	
13.4	04	1190058	PIA2010-2023.04			0	Lương Ngọc Bích			7-11, D					14/08/2023	19/11/2023	
14.5	05	1190058	PIA2010-2023.05			0	Bùi Duy Anh	7-11, D							14/08/2023	19/11/2023	
15.6	06	1190058	PIA2010-2023.06			0	Bùi Duy Anh	7-11, D							14/08/2023	19/11/2023	
9		1200033	Đồ án công nghệ	DGI2033	3	10											
16.1	01	1200033	DGI2033-2023.01			10	Ngô Thị Thủy Thu	1-4, DA							21/08/2023	29/10/2023	
10		1080208	Du lịch văn hóa cộng đồng	CLM2132	3	60											
17.1	01	1080208	CLM2132-2023.01			60	Nguyễn Thị Thanh Loan			10-12, E503					14/08/2023	26/11/2023	K1DL
11		1080192	Hán Nôm	CLM2116	3	60											
18.1	01	1080192	CLM2116-2023.01			60	Nguyễn Tuấn Vũ				7-9, E501				14/08/2023	03/12/2023	K1DL
12		1060037	Hình họa 7	FAE2003	3	42											
19.1	01	1060037	FAE2003-2023.01			14	Lê Thị Kim Liên	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					27/11/2023	04/02/2023	10T, K15MT TL
20.2	02	1060037	FAE2003-2023.02			14	Nguyễn Thị May	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					27/11/2023	04/02/2023	10T, K15MT TL
21.3	03	1060037	FAE2003-2023.03			14	Nguyễn Văn Cường	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					27/11/2023	04/02/2023	10T, K15MT TL
13		1170066	Hình họa nghiên cứu hình thể tĩnh	GRD2055	2	160											
22.1	01	1170066	GRD2055-2023.01			16	Nguyễn Xuân Tám	1-4, A	1-4, A						14/08/2023	26/11/2023	
23.2	02	1170066	GRD2055-2023.02			16	Nguyễn Hữu Dũng	1-4, A	1-4, A						14/08/2023	26/11/2023	
24.3	03	1170066	GRD2055-2023.03			16	Ng.Duy Quốc Tuấn	1-4, A	1-4, A						14/08/2023	26/11/2023	
25.4	04	1170066	GRD2055-2023.04			16	Nguyễn Hải Kiên	1-4, A	1-4, A						14/08/2023	26/11/2023	
26.5	05	1170066	GRD2055-2023.05			16	Nguyễn Thị Mỹ	1-4, A	1-4, A						14/08/2023	26/11/2023	
27.6	06	1170066	GRD2055-2023.06			16	Nguyễn Xuân Tám				1-4, A	1-4, A			14/08/2023	26/11/2023	
28.7	07	1170066	GRD2055-2023.07			16	Vũ Xuân Hiền				1-4, A	1-4, A			14/08/2023	26/11/2023	

TT	Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú
29.8	08	1170066	GRD2055-2023.08			16	Nguyễn Hải Kiên				1-4, A	1-4, A			14/08/2023	26/11/2023	
30.9	09	1170066	GRD2055-2023.09			16	Nguyễn Thị Mỹ				1-4, A	1-4, A			14/08/2023	26/11/2023	
31.10	10	1170066	GRD2055-2023.10			16	Nguyễn Hồng Sơn				1-4, A	1-4, A			14/08/2023	26/11/2023	
14		1190057	Hòa tấu 4.1 (M)	PIA2014	1												
32.1	01	1190057	PIA2014-2023.01			0	Nguyễn Hương Giang		7-11, D						14/08/2023	19/11/2023	
33.2	02	1190057	PIA2014-2023.02			0	Đinh Thu Hương					7-11, D			14/08/2023	19/11/2023	
34.3	03	1190057	PIA2014-2023.03			0	Lê Nam		1-5, D						14/08/2023	19/11/2023	
35.4	04	1190057	PIA2014-2023.04			0									14/08/2023	19/11/2023	
36.5	05	1190057	PIA2014-2023.05			0	Đoàn Lê Phan Anh					1-5, D			14/08/2023	19/11/2023	
37.6	06	1190057	PIA2014-2023.06			0	Nguyễn Thị Hiền Anh	1-5, D							14/08/2023	19/11/2023	
38.7	07	1190057	PIA2014-2023.07			0									14/08/2023	19/11/2023	
39.8	08	1190057	PIA2014-2023.08			0	Đinh Công Hải		1-5, D						14/08/2023	19/11/2023	
40.9	09	1190057	PIA2014-2023.09			0	Trần Nhật Minh				7-11, D				14/08/2023	19/11/2023	
41.10	10	1190057	PIA2014-2023.10			0	Hồ Thị Ngọc Hà			7-11, D					14/08/2023	19/11/2023	
15		1080077	Hóa trang	CLM2053	2	30											
42.1	01	1080077	CLM2053-2023.01			30	Ng.Thuý Hường		1-3, E502						14/08/2023	05/11/2023	K6DVK
16		1070144	Keyboard/Guitar 4	MUS2088	1												
43.1	01	1070144	MUS2088-2023.01			0	Nguyễn Thị Thu Hương					1-5, C208					
44.2	02	1070144	MUS2088-2023.02			0	Vũ Thanh Xuân			1-5, C210							
45.3	03	1070144	MUS2088-2023.03			0	Lương Diệu Ánh			1-5, D108							
46.4	04	1070144	MUS2088-2023.04			0	Trần Bích Thủy					1-5, C207					
47.5	05	1070144	MUS2088-2023.05			0	Mai Trần Hoàn					1-5, D101					
48.6	06	1070144	MUS2088-2023.06			0	Vũ Ngọc Sơn		1-5, D102								
49.7	07	1070144	MUS2088-2023.07			0	Lương Đức Giang			1-5, C310							
50.8	08	1070144	MUS2088-2023.08			0	Trần Hoàng Tiến			1-5, D101							
51.9	09	1070144	MUS2088-2023.09			0	Đặng Thái Sơn			1-5, D102							
52.10	10	1070144	MUS2088-2023.10			0	Cù Minh Giang		1-5, D107								
53.11	11	1070144	MUS2088-2023.11			0	Cù Minh Giang			1-5, C208							
54.12	12	1070144	MUS2088-2023.12			0	Trần Quốc Thủy			1-5, C209							
55.13	13	1070144	MUS2088-2023.13			0	Đào Văn Thực					1-5, D103					
56.14	14	1070144	MUS2088-2023.14			0	Hà Tân Mùi					1-5, D102					
57.15	15	1070144	MUS2088-2023.15			0	Ngô Thị Việt Anh					1-5, D108					
58.16	16	1070144	MUS2088-2023.16			0	Bá Sấn			1-5, D107							
59.17	17	1070144	MUS2088-2023.17			0	Trần Hoài Sơn					1-5, C210					
60.18	18	1070144	MUS2088-2023.18			0	Đoàn Anh Vũ					1-5, D107					
61.19	19	1070144	MUS2088-2023.19			0	Phạm Huy Hùng			7-11, C209							
62.20	20	1070144	MUS2088-2023.20			0	Dương Vũ Bình Minh		1-5, C209								
63.21	21	1070144	MUS2088-2023.21			0	Đào văn Kiên			1-5, C205							
64.22	22	1070144	MUS2088-2023.22			0											
65.23	23	1070144	MUS2088-2023.23			0	Mai Trần Hoàn			7-11, C207							
66.24	24	1070144	MUS2088-2023.24			0	Vũ Thanh Xuân					1-5, C209					
67.25	25	1070144	MUS2088-2023.25			0	Nguyễn Nguyệt Cầm			1-5, D103							
68.26	26	1070144	MUS2088-2023.26			0	Nguyễn Quang Tùng		7-11, C208								
17		1080102	Kỹ thuật biểu diễn kịch - điện ảnh 7	CLM2068	3	30											
69.1	01	1080102	CLM2068-2023.01			30	Kiều Minh Hiếu					1-4, NA401			14/08/2023	05/11/2023	K6DVK
18		1200037	Kỹ thuật dựng rạp 3D trên manocanh	DGI2037	3	42											
70.1	01	1200037	DGI2037-2023.01			14	Lưu Ngọc Lan				7-10, E				21/08/2023	26/11/2023	
71.2	02	1200037	DGI2037-2023.02			14	Nguyễn Huyền Trang				7-10, E				21/08/2023	26/11/2023	

TT	Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú
72.3	03	1200037	DGI2037-2023.03			14	Vũ Mai Hiền				7-10, E				21/08/2023	26/11/2023	
19		1080034	Marketing văn hóa nghệ thuật	CLM2035	2	45											
73.1	01	1080034	CLM2035-2023.01			45	Tráng Thị Thuý	7-9, E503							14/08/2023	19/11/2023	K14QLVH
20		1060102	Nghệ thuật tạo hình không gian 2D, 3D	FAE2089	2	42											
74.1	01	1060102	FAE2089-2023.01			14	Lê Thị Kim Liên	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					14/08/2023	08/10/2023	8T, K15MT
75.2	02	1060102	FAE2089-2023.02			14	Nguyễn Thị May	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					14/08/2023	08/10/2023	8T, K15MT
76.3	03	1060102	FAE2089-2023.03			14	Nguyễn Huy Trung	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					14/08/2023	08/10/2023	8T, K15MT
21		1060101	Nghệ thuật trang trí kiến trúc	FAE2091	2	10											
77.1	01	1060101	FAE2091-2023.01			10	Nguyễn Huy Trung	7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC					16/10/2023	24/12/2023	10T, K7HH
22		1170061	Phần mềm Corel draw	GRD2052	2	160											
78.1	01	1170061	GRD2052-2023.01			16	Lê Huy Thục		1-4, E406						14/08/2023	05/11/2023	
79.2	02	1170061	GRD2052-2023.02			16	Nguyễn Xuân Giáp		1-4, E406						14/08/2023	05/11/2023	
80.3	03	1170061	GRD2052-2023.03			16	Nguyễn Duy Hùng		1-4, E407						14/08/2023	05/11/2023	
81.4	04	1170061	GRD2052-2023.04			16	Tổng Việt Anh		1-4, E407						14/08/2023	05/11/2023	
82.5	05	1170061	GRD2052-2023.05			16	Tổng Việt Anh		7-10, E406						14/08/2023	05/11/2023	
83.6	06	1170061	GRD2052-2023.06			16	Nguyễn Xuân Giáp		7-10, E406						14/08/2023	05/11/2023	
84.7	07	1170061	GRD2052-2023.07			16	Lê Huy Thục					1-4, E406			14/08/2023	05/11/2023	
85.8	08	1170061	GRD2052-2023.08			16	Nguyễn Xuân Giáp					1-4, E406			14/08/2023	05/11/2023	
86.9	09	1170061	GRD2052-2023.09			16	Nguyễn Duy Hùng					1-4, E407			14/08/2023	05/11/2023	
87.10	10	1170061	GRD2052-2023.10			16	Tổng Việt Anh					1-4, E407			14/08/2023	05/11/2023	
23		1080129	Phân tích tác phẩm sân khấu – điện ảnh	CLM2086	3	30											
88.1	01	1080129	CLM2086-2023.01			30	Nguyễn Đắc Tới	1-3, E503							14/08/2023	26/11/2023	K6DVK
24		1080028	Phương pháp dàn dựng chương trình nghệ thuật	CLM2029	4	50											
89.1	01	1080028	CLM2029-2023.01			25	Lý Minh Huệ					1-4, NA501			14/08/2023	17/12/2023	K14QLVH
90.2	02	1080028	CLM2029-2023.02			25	Ng.Thị Thanh Mai					7-10, NA501			14/08/2023	17/12/2023	K14QLVH
25		1080231	Phương pháp nghiên cứu công tác xã hội	CLM2210	2	15											
91.1	01	1080231	CLM2210-2023.01			15	Lương Thị Đào	4-6, E503							14/08/2023	26/11/2023	KTCTXH
26		1190056	Piano CN 4.1 (M)	PIA2006	2												
92.1	01	1190056	PIA2006-2023.01			0	Đình Công Hải	1-5, D			1-5, D				14/08/2023	19/11/2023	
93.2	02	1190056	PIA2006-2023.02			0	Lê Nam		7-11, D		7-11, D				14/08/2023	19/11/2023	
94.3	03	1190056	PIA2006-2023.03			0	Nghiêm Thị Hà Ngân	7-11, D		7-11, D					14/08/2023	19/11/2023	
95.4	04	1190056	PIA2006-2023.04			0	Phạm Hoàng Lê		1-5, D		1-5, D				14/08/2023	19/11/2023	
96.5	05	1190056	PIA2006-2023.05			0	Đoàn Lê Phan Anh		1-5, D		1-5, D				14/08/2023	19/11/2023	
97.6	06	1190056	PIA2006-2023.06			0	Nguyễn Thị Hiền Anh			1-5, D		1-5, D			14/08/2023	19/11/2023	
98.7	07	1190056	PIA2006-2023.07			0									14/08/2023	19/11/2023	
99.8	08	1190056	PIA2006-2023.08			0	Trần Nhật Minh	7-11, D			7-11, D				14/08/2023	19/11/2023	
27		1080037	Quản lý dự án văn hóa	CLM2038	2	45											
100.1	01	1080037	CLM2038-2023.01			45	Hoàng Công Dụng		1-3, E503						14/08/2023	19/11/2023	K14QLVH
28		1080243	Quản trị trong công tác xã hội	CLM2222	2	15											
101.1	01	1080243	CLM2222-2023.01			15	Nguyễn Hương Giang				10-12, E503				14/08/2023	26/11/2023	KTCTXH
29		1140010	Tâm lý học tiêu dùng	PPE2005	2	150											
102.1	01	1140010	PPE2005-2023.01			50	Nguyễn Quỳnh Trang			10-12, E502					14/08/2023	05/11/2023	
103.2	02	1140010	PPE2005-2023.02			50	Nguyễn Quỳnh Trang					7-9, E506			14/08/2023	05/11/2023	
104.3	03	1140010	PPE2005-2023.03			50	Nguyễn Quỳnh Trang					10-12, E506			14/08/2023	05/11/2023	
30		1170015	Thẩm mỹ công nghiệp	GRD2010	2	165											
105.1	01	1170015	GRD2010-2023.01			55	Quách Thị Ngọc An	7-10, E603							14/08/2023	26/11/2023	
106.2	02	1170015	GRD2010-2023.02			55	Quách Thị Ngọc An		7-10, E603						14/08/2023	26/11/2023	
107.3	03	1170015	GRD2010-2023.03			55	Quách Thị Ngọc An				7-10, E603				14/08/2023	26/11/2023	

TT	Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú
31		1100010	Thanh nhạc 4	VMU2019	1												
108.1	01	1100010	VMU2019-2023.01			0	Nguyễn Thủy Hà			7-11, D					14/08/2023	10/12/2023	
109.2	02	1100010	VMU2019-2023.02			0	Hà Thị Lý			1-5, D					14/08/2023	10/12/2023	
110.3	03	1100010	VMU2019-2023.03			0	Phạm Bích Ngọc		1-5, D						14/08/2023	10/12/2023	
111.4	04	1100010	VMU2019-2023.04			0	Vũ Thanh Thủy			1-5, D					14/08/2023	10/12/2023	
112.5	05	1100010	VMU2019-2023.05			0	Đào Tiến Lợi		1-5, D						14/08/2023	10/12/2023	
113.6	06	1100010	VMU2019-2023.06			0	Trần Thị Thảo			1-5, D					14/08/2023	10/12/2023	
114.7	07	1100010	VMU2019-2023.07			0	Bùi Thanh Tuyền		1-5, D						14/08/2023	10/12/2023	
115.8	08	1100010	VMU2019-2023.08			0	Nguyễn Chí Công		7-11, D						14/08/2023	10/12/2023	
116.9	09	1100010	VMU2019-2023.09			0	Đàm Minh Hưng			7-11, D					14/08/2023	10/12/2023	
117.10	10	1100010	VMU2019-2023.10			0	Đào Thị Khánh Chi		1-5, D						14/08/2023	10/12/2023	
118.11	11	1100010	VMU2019-2023.11			0	Trần Thị Thảo		7-11, D						14/08/2023	10/12/2023	
119.12	12	1100010	VMU2019-2023.12			0	Nguyễn Thủy Hà			1-5, D					14/08/2023	10/12/2023	
120.13	13	1100010	VMU2019-2023.13			0	Đặng Thị Lan		7-11, D						14/08/2023	10/12/2023	
121.14	14	1100010	VMU2019-2023.14			0	Hà Thị Lý			7-11, D					14/08/2023	10/12/2023	
122.15	15	1100010	VMU2019-2023.15			0	Ngân Thị Thương		1-5, D						14/08/2023	10/12/2023	
123.16	16	1100010	VMU2019-2023.16			0	Vũ Thị Tươi			1-5, D					14/08/2023	10/12/2023	
124.17	17	1100010	VMU2019-2023.17			0	Phạm Bích Ngọc		7-11, D						14/08/2023	10/12/2023	
125.18	18	1100010	VMU2019-2023.18			0	Nguyễn Thanh Duyên		1-5, D						14/08/2023	10/12/2023	
126.19	19	1100010	VMU2019-2023.19			0	Nguyễn Thu Hằng			7-11, D					14/08/2023	10/12/2023	
127.20	20	1100010	VMU2019-2023.20			0	Hoàng Quốc Tuấn			7-11, D					14/08/2023	10/12/2023	
128.21	21	1100010	VMU2019-2023.21			0	Trần Tân Phương			1-5, D					14/08/2023	10/12/2023	
129.22	22	1100010	VMU2019-2023.22			0	Ngân Thị Thương		7-11, D						14/08/2023	10/12/2023	
130.23	23	1100010	VMU2019-2023.23			0	Nguyễn Thị Huyền		7-11, D						14/08/2023	10/12/2023	
131.24	24	1100010	VMU2019-2023.24			0	Phạm Thị Thu Trang			7-11, D					14/08/2023	10/12/2023	
132.25	27	1100010	VMU2019-2023.27			0	Trần Thị Thảo							13-17, D	14/08/2023	10/12/2023	
32		1100088	Thanh nhạc 4.1	VMU2007	1												
133.1	01	1100088	VMU2007-2023.01			0	Đỗ Hương Giang	1-5, D		1-5, D					14/08/2023	19/11/2023	
134.2	02	1100088	VMU2007-2023.02			0	Trịnh Thị Oanh	7-11, D		7-11, D					14/08/2023	19/11/2023	
135.3	03	1100088	VMU2007-2023.03			0	Giáp Văn Thịnh		1-5, D				1-5, D		14/08/2023	19/11/2023	
136.4	04	1100088	VMU2007-2023.04			0	Trần Thị Thanh Quý			1-5, D		7-11, D			14/08/2023	19/11/2023	
137.5	05	1100088	VMU2007-2023.05			0	Nguyễn Mai Hương	7-11, D				7-11, D			14/08/2023	19/11/2023	
138.6	06	1100088	VMU2007-2023.06			0	Viên Thị Hường		1-5, D		1-5, D				14/08/2023	19/11/2023	
139.7	07	1100088	VMU2007-2023.07			0	Lê Minh Tuyền	7-11, D		7-11, D					14/08/2023	19/11/2023	
140.8	08	1100088	VMU2007-2023.08			0	Nguyễn Thị Nga	1-5, D			7-11, D				14/08/2023	19/11/2023	
141.9	09	1100088	VMU2007-2023.09			0	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	7-11, D				7-11, D			14/08/2023	19/11/2023	
142.10	10	1100088	VMU2007-2023.10			0	Đoàn Thúy Trang	7-11, D				7-11, D			14/08/2023	19/11/2023	
143.11	11	1100088	VMU2007-2023.11			0	Lê Thị Tình	7-11, D		7-11, D					14/08/2023	19/11/2023	
144.12	12	1100088	VMU2007-2023.12			0	Đặng Thị Loan	7-11, D				1-5, D			14/08/2023	19/11/2023	
145.13	13	1100088	VMU2007-2023.13			0	Chu Thị Hoài Phương			7-11, D			7-11, D		14/08/2023	19/11/2023	
146.14	14	1100088	VMU2007-2023.14			0	Đàm Minh Hưng			7-11, D		7-11, D			14/08/2023	19/11/2023	
147.15	15	1100088	VMU2007-2023.15			0	Ngô Quốc Khánh		7-11, D			1-5, D			14/08/2023	19/11/2023	
148.16	16	1100088	VMU2007-2023.16			0	Hoàng Quốc Tuấn		7-11, D		7-11, D				14/08/2023	19/11/2023	
149.17	17	1100088	VMU2007-2023.17			0	Nguyễn Chí Công	7-11, D			1-5, D				14/08/2023	19/11/2023	
150.18	18	1100088	VMU2007-2023.18			0	Hà Thị Lý			7-11, D		7-11, D			14/08/2023	19/11/2023	
151.19	19	1100088	VMU2007-2023.19			0	Đào Tiến Lợi		7-11, D			1-5, D			14/08/2023	19/11/2023	
33		1170036	Thiết kế bộ nhận diện thương hiệu SP thương mại	GRD2033	2	162											
152.1	01	1170036	GRD2033-2023.01			18	Vũ Minh Hoàng	7-10, E602	7-10, E602						14/08/2023	26/11/2023	

TT	Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú
153.2	02	1170036	GRD2033-2023.02			18	Phạm Phương Linh	7-10, E602	7-10, E602						14/08/2023	26/11/2023	
154.3	03	1170036	GRD2033-2023.03			18	Lò Mai Trang	7-10, E602	7-10, E602						14/08/2023	26/11/2023	
155.4	04	1170036	GRD2033-2023.04			18	Phạm Phương Linh				1-4, E602	1-4, E602			14/08/2023	26/11/2023	
156.5	05	1170036	GRD2033-2023.05			18	Vũ Minh Hoàng				1-4, E602	1-4, E602			14/08/2023	26/11/2023	
157.6	06	1170036	GRD2033-2023.06			18	Nguyễn Thị Hải Yến				1-4, E602	1-4, E602			14/08/2023	26/11/2023	
158.7	07	1170036	GRD2033-2023.07			18	Nguyễn Văn Hiến	7-10, E602	7-10, E602						21/08/2023	26/11/2023	
159.8	08	1170036	GRD2033-2023.08			18	Phạm Phương Linh	7-10, E602	7-10, E602						21/08/2023	26/11/2023	
160.9	09	1170036	GRD2033-2023.09			18	Lò Mai Trang	7-10, E602	7-10, E602						21/08/2023	26/11/2023	
34		1020044	Thiết kế kỹ thuật trang phục	FAD2016	2	42											
161.1	01	1020044	FAD2016-2023.01			14	Lưu Ngọc Lan			1-4, E					25/09/2023	03/12/2023	
162.2	02	1020044	FAD2016-2023.02			14	Nguyễn Huyền Trang			1-4, E					25/09/2023	03/12/2023	
163.3	03	1020044	FAD2016-2023.03			14	Vũ Mai Hiền			1-4, E					25/09/2023	03/12/2023	
35		1060078	Thực tập sư phạm 2	FAE2022	4	200											
164.1	01	1060078	FAE2022-2023.01			200	Hoàng Thị Dung								16/10/2023	26/11/2023	
36		1080114	Thực tập tiền tốt nghiệp	CLM2076	5	30											
165.1	01	1080114	CLM2076-2023.01			30	Ng.Thuý Hường						1-5, TTTN		11/12/2023	31/12/2023	K6DVK
37		1020009	Thực tập tốt nghiệp	FAD2048	4	50											
166.1	01	1020009	FAD2048-2023.01			40	Nguyễn Kiều Oanh							1-5, TTTN			
167.2	02	1020009	FAD2048-2023.02			10	Lưu Ngọc Lan							1-5, TTTN			
38		1200050	Thực tập tốt nghiệp	DGI2050	4	10											
168.1	01	1200050	DGI2050-2023.01			10	Nguyễn Kiều Oanh							1-5, TTTN			
39		1040019	Tiếng Anh chuyên ngành (CTXH)	CFL2013	4	15											
169.1	01	1040019	CFL2013-2023.01			15	Nguyễn Thanh Dung		1-4, E405						14/08/2023	26/11/2023	15T
40		1040006	Tiếng Anh chuyên ngành (QLVH)	CFL2007	2	45											
170.1	01	1040006	CFL2007-2023.01			45		10-12, E405							14/08/2023	22/10/2023	
41		1040007	Tiếng Anh chuyên ngành (TKDH)	CFL2004	2	150											
171.1	01	1040007	CFL2004-2023.01			50				1-3, E405					14/08/2023	22/10/2023	
172.2	02	1040007	CFL2004-2023.02			50				4-6, E405					14/08/2023	22/10/2023	
173.3	03	1040007	CFL2004-2023.03			50				1-3, E305					14/08/2023	22/10/2023	
42		1080195	Tổ chức khách sạn nhà hàng	CLM2119	3	60											
174.1	01	1080195	CLM2119-2023.01			60	Nguyễn Thị Thùy Linh						1-3, E503		14/08/2023	26/11/2023	K1DL
43		1080132	Tổ chức sự kiện	CLM2088	3	45											
175.1	01	1080132	CLM2088-2023.01			45	Tráng Thị Thuý		4-6, E503						14/08/2023	17/12/2023	K14QLVH
44		1080201	Tổ chức sự kiện du lịch	CLM2125	2	60											
176.1	01	1080201	CLM2125-2023.01			60	Lương Thị Giang				10-12, E501				14/08/2023	03/12/2023	K1DL
45		1080036	Xây dựng đời sống văn hóa cơ sở	CLM2037	2	45											
177.1	01	1080036	CLM2037-2023.01			45	Bùi Hồng Hạnh			1-3, E503					14/08/2023	19/11/2023	K14QLVH

Người lập